

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DS-PT

Ngày 24 - 9 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Diệt.

Ông Phạm Tuấn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2020/TLPT - DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc; Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS - ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2020/QĐ - PT ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Tổ 3, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: Tổ 4, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La "được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 29 tháng 5 năm 2019". Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đào Thị H ; địa chỉ: Xóm , Tiểu khu Tiên Phong 1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lò Văn T (Quàng Văn T); địa chỉ: Xóm , Tiểu khu Tiên Phong 1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Anh Quàng Văn T (T); địa chỉ: Bản N H, thị trấn Ít Ong, huyện Mường

La, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- Anh Lò Văn Q, chị Lương Thị X; địa chỉ: Bản NH, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Anh Lò Văn Q, vắng mặt, chị Lương Thị X, có mặt.

4. Người kháng cáo :

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Năm 2004, bà có nhận chuyển nhượng 525m² đất của ông Lò Văn L và bà Đào Thị L, mặt đường xóm 15m, sâu vào 35m, giá 45.000.000 đồng thuộc thửa số 74, tờ bản đồ 23, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S038929 theo quyết định số 298/QĐ - UB ngày 17/10/2000, địa chỉ tại bản Nong Heo, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Khi chuẩn bị tách bìa thì vợ chồng ông Lò Văn L và bà Đào Thị L mượn lại bìa đỏ để chuyển nhượng cho một người giáo viên ở Chiềng Lao, huyện Mường La diện tích đất 5m mặt đường.

Năm 2008 ông Lò Văn L chết và năm 2011 bà Đào Thị L chết. Hiện nay đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do con gái bà Đào Thị L là chị Đào Thị H cư trú tại: Xóm , Tiểu khu Tiền Phong 1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La giữ, quản lý và sử dụng.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Đào Thị H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất, trả lại diện tích đất mà bà đã nhận chuyển nhượng.

Bị đơn chị Đào Thị H trình bày:

Chị là con duy nhất của bà Đào Thị L (chết năm 2011), bố dượng chị là ông Quàng Văn L (Lò Văn L, chết năm 2008). Trước khi chết ông để lại toàn bộ đất đai cho bà Đào Thị L và hai con là Lò Văn T (là chồng chị Đào Thị H) và Quàng Văn T (T). Sau khi bà Đào Thị L chết đất đai, tài sản là của ba người Đào Thị H, Lò Văn T và Quàng Văn T (T), thừa đất bố, mẹ để lại cho các con diện tích 2160 m² đất nông nghiệp và 400 m² đất thổ cư. Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Số 00329 QSDĐ/298/QĐ-UB ngày 17/10/2000; tờ bản đồ A-156-1; thửa 62, 63; địa chỉ thửa đất: Bản Chiềng Tè, xã Nậm Păm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Nay là bản Nong Heo, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La mang tên Lò Văn L. Khi bố mẹ chị còn sống không thấy nói gì về việc đã bán một phần đất cho bà Nguyễn Thị D, bao nhiêu năm không thấy bà Nguyễn Thị D thực hiện làm thủ tục về mua bán, chỉ đến khi năm 2015, gia đình chị đến xã làm thủ tục sang tên cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Nguyễn Thị D đến tranh chấp.

Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu gia đình chị phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà, chị và gia đình không nhất trí, với lý do:

“giấy nhượng lại đất” mà bà Nguyễn Thị D cung cấp không rõ ràng, không công chứng, chứng thực, những người làm chứng do bà Nguyễn Thị D dựng lên không đúng sự thật. Trong hợp đồng không có vị trí đất được bán; Sơ đồ vị trí đất được lập giả, do đại diện ủy quyền của nguyên đơn mới viết, Ủy ban nhân dân thị trấn Ít Ong ký đóng dấu xác nhận ngày 26/11/2015 là sai vì không có chữ ký của bố mẹ chị là bà Đào Thị L, ông Quàng Văn L (Lò Văn L) hoặc của ba anh chị là Lò Văn T và Quàng Văn T(T, Đào Thị H. Trong sơ đồ vị trí đất ghi mua đất năm 2004, một phía giáp ông Lò Thanh Ú, lúc đó ông Lò Thanh Ú chưa mua lại đất của anh Trần Văn Q và chưa về ở như trong sơ đồ đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lò Văn T và Quàng Văn T(tên gọi khác T) trình bày đều nhất trí với ý kiến trên của chị Đào Thị H.

Anh Lò Văn Q, chị Lường Thị X trình bày: Vợ chồng anh, chị đang tạm sử dụng thửa đất do chị Đào Thị H, anh Lò Văn T cho tạm sử dụng (trồng mía), hiện không làm nhà cửa gì trên đất. Khoảng năm 2014 - 2015 thấy bà Nguyễn Thị D đến nhờ một số người hàng xóm ký hộ giấy tờ mua bán đất, có mua thịt trâu (lúc đó gia đình anh, chị bán thịt trâu) đem lên nhà ông Lường Văn K ăn cơm mục đích nhờ ký hộ vào giấy tờ mua bán đất giữa bà Nguyễn Thị D với bà Đào Thị L, ông Quàng Văn L. Bà Nguyễn Thị D có đến nhờ vợ chồng anh chị ký, nhưng anh chị không ký.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS - ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, Quyết định:

Căn cứ điểm a.1 đến a.6 tiểu mục 2.3 mục 2 của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004; khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127, khoản 1 Điều 146 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 707; Điều 708 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, về yêu cầu chị Đào Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T và Quàng Văn T (T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị D với ông Lò Văn L, bà Đào Thị L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/07/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo không nhất trí với nội dung quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Ý kiến trình bày và tranh luận của nguyên đơn: Đề nghị xem xét lại hàng thừa kế của ông Lò Văn L và bà Đào Thị L, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị chị Đào Thị H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất, trả lại diện tích đất mà nguyên đơn nhận chuyển nhượng giữa nguyên đơn với ông Lò Văn L bà Đào Thị L và đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Ý kiến trình bày và tranh luận của bị đơn: Không nhất trí với kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS - ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nhất trí với ý kiến trình bày và tranh luận của bị đơn, không nhất trí với kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS - ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Kiểm sát viên phát biểu, quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo trình tự tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên như sau.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS - ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D xác định giữa nguyên đơn và ông Lò Văn L, bà Đào Thị L (bố mẹ của bị đơn) có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do ông L, bà L chết, chị Đào Thị H (con gái của ông L, bà L) và anh Lò Văn T, anh Quàng Văn T hiện đang quản lý mảnh đất đang tranh chấp trên. Nguyên đơn yêu cầu chị H tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng do ông L, bà L để lại. Bị đơn chị Đào Thị H xác định giữa ông L, bà L và bà D không hề có việc mua bán, chuyển nhượng như nguyên đơn xác định, do đó không nhất trí yêu cầu của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là có căn cứ, đúng quy định.

[2] Về thời hiệu khởi kiện đối với những người được thừa kế quyền và nghĩa vụ.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu những người được hưởng thừa kế chị Đào Thị H anh Lò Văn T, anh Quảng Văn T (T) của ông Lò Văn L đã chết năm 2008, bà Đào Thị L đã chết năm 2011 để lại. Yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 3 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là ba năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

Tuy nhiên bị đơn chị Đào Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T và anh Quảng Văn T (T) là những người thừa kế quyền và nghĩa vụ về tài sản không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D xác định năm 2004, bà có nhận chuyển nhượng 525m² đất (mặt đường xóm 15m, sâu vào 35m) của ông Lò Văn L và bà Đào Thị L và xuất trình “giấy nhượng lại đất” làm căn cứ chứng minh trong giấy nhượng lại đất có ghi bên chuyển nhượng Lò Văn L ký xác nhận, người làm chứng Nguyễn Văn P và xác nhận của trưởng bản ông Lương Văn K. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu giám định chữ ký ông Lò Văn L và bà Đào Thị L, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không thừa nhận. Như vậy chưa có căn cứ xác định chữ ký của ông Lò Văn L và bà Đào Thị L trong giấy nhượng lại đất, chưa đủ cơ sở hợp đồng chuyển nhượng lại đất có thật hay không.

Mặt khác xem xét nội dung “giấy nhượng lại đất” mà nguyên đơn cung cấp có ghi vợ chồng tôi L, L nhất trí nhượng lại cho mẹ nuôi tôi là Nguyễn Thị D nhưng vị trí đất tại đâu không rõ ràng, “giấy nhượng lại đất” được viết tay ghi diện tích đất chuyển nhượng là 595m²; không có ngày tháng năm lập, không thể hiện vị trí đất, không thể hiện ranh giới đất, không có xác nhận của cơ quan chức năng hay chính quyền địa phương. Nguyên đơn xác định vị trí đất chuyển nhượng thuộc thửa số 74, tờ bản đồ 23, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S038929 theo quyết định số 298/QĐ-UB ngày 17/10/2000 mang tên Lò Văn L, địa chỉ tại bản Nong Heo, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Là không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Số 00329 QSDĐ/298/QĐ-UB ngày 17/10/2000; tờ bản

đồ A-156-1; thửa 62, 63; Địa chỉ thửa đất: Bản Chiềng Tè, xã Năm Păm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Vì thời điểm năm 2004, chưa có tờ bản đồ số 23; (Tờ bản đồ số 23 địa chỉ: Bản Nong Heo, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La được đo vẽ đưa vào sử dụng quản lý đất đai năm 2011). Nguyên đơn cung cấp sơ đồ đất có xác nhận của UBND thị trấn Ít Ong. Tuy nhiên, sơ đồ đất do nguyên đơn cung cấp được vẽ vào thời điểm năm 2019 (qua xác nhận tại UBND thị trấn Ít Ong xác nhận vào sơ đồ đất ngày 26/11/2019), do UBND thị trấn Ít Ong xác nhận, thực hiện. Không phải do cơ quan chuyên môn là Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện, thời điểm này ông L và bà L đều đã chết (ông L chết năm 2008, bà L chết năm 2011), tứ cận được xác định không phù hợp với thực tế sử dụng đất tại thời điểm năm 2004, do đó không có giá trị pháp lý. Tiến hành lấy lời khai của các hộ dân sinh sống tại khu vực xảy ra tranh chấp, xác định có sự việc khoảng năm 2014-2015, bà D có đến vận động, nhờ các hộ dân ký xác nhận nhân chứng vào giấy chuyển nhượng đất và quan xác minh, xác định người làm chứng Nguyễn Văn P đã chết từ năm 2016. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không thừa nhận việc bố, mẹ bị đơn (ông L, bà L) chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D.

Quá trình cấp sơ thẩm tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ xác định, kể từ thời điểm năm 2004 đến thời điểm ông L, bà L chết, giữa bà D và ông L, bà L không có việc đăng ký làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất và theo bà D ông L, bà L mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ. Ông L, bà L chỉ thực hiện biến động đất đai duy nhất 1 lần (chuyển nhượng quyền sử dụng 100m² đất tại thửa số 63 (nay là thửa đất số 74) cho anh Trần Văn Q). Tranh chấp chỉ phát sinh khi gia đình chị H làm thủ tục đổi sổ, thừa kế quyền sử dụng đất. Trên thực tế bà D chưa nhận đất và anh Lò Văn T, chị Đào Thị H, anh Quảng Văn T đang trực tiếp quản lý sử dụng đất từ năm 2011 cho đến nay.

Từ những căn cứ nêu trên không có căn cứ để xác định ông Lò Văn L, bà Đào Thị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị D.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích đất 525m² nằm trong thửa đất số 74, tờ bản đồ số 23 theo GCNQSDĐ số S038929 theo quyết định số 298/QĐ-UB ngày 17/10/2000 của UBND huyện Mường La là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tại mục [5] trong bản án sơ thẩm. Các đương sự đều không yêu cầu hủy hợp đồng, hay tuyên bố hợp đồng

chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị D với ông Lò Văn L, bà Đào Thị L vô hiệu và không yêu cầu giải quyết về hậu quả. Xét thấy không có căn cứ xác định có việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Dn và ông Lò Văn L Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là không đúng với quy định của pháp luật, vì chưa có căn cứ xác định của hợp đồng nên đánh giá hợp đồng chưa có căn cứ là có hợp đồng.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị D là người cao tuổi theo quy định tại Luật người cao tuổi năm 2009. Do đó nguyên đơn bà Nguyễn Thị D được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20196 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20196 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ điểm a.1 đến a.6 tiêu mục 2.3 mục 2 của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004; khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127, khoản 1 Điều 146 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 707; Điều 708 của Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1. Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, về yêu cầu chị Đào Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T và Quàng Văn T (T) tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Nguyễn Thị D với ông Lò Văn L, bà Đào Thị L.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm. Được hoàn lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng

án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0004947 ngày 09/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (24/9/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La;
- Tòa án nhân dân huyện Mường La;
- Chi cục THADS huyện Mường La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

